

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 368/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2020
Hanoi, 28 May 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 27/05/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,200	4.3%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	270	0.5%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	900	1.8%
6	DXG	620	0.6%
7	EIB	1,470	2.1%
8	FLC	800	0.2%
9	FPT	880	3.6%
10	GAS	130	0.8%
11	GEX	550	0.8%
12	GMD	350	0.6%
13	HBC	220	0.2%
14	HCM	170	0.3%
15	HDB	950	2.0%
16	HPG	2,330	5.6%
17	HSG	350	0.3%
18	KBC	490	0.6%



19	MBB	2,020	3.0%
20	MSN	650	3.4%
21	MWG	410	3.0%
22	NLG	210	0.4%
23	NVL	470	2.1%
24	PDR	200	0.4%
25	PLX	150	0.6%
26	PNJ	250	1.4%
27	POW	660	0.6%
28	PPC	110	0.2%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	210	0.6%
32	ROS	400	0.1%
33	SAB	90	1.3%
34	SBT	370	0.5%
35	SHB	1,700	2.0%
36	SSI	510	0.7%
37	STB	2,540	2.2%
38	TCB	3,200	5.7%
39	TCH	270	0.5%
40	TPB	690	1.2%
41	VCB	570	4.0%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,150	7.4%
46	VIC	1,110	9.1%
47	VJC	360	3.4%
48	VNM	1,070	10.6%
49	VPB	2,400	4.9%
50	VRE	1,280	2.9%
II	Tiền/Cash (VND)	13,918,218	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,170,782,600 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,184,700,818 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	13,918,218 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	52,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	15,350	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	82,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	23,300	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	48,800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	20,150	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	17,600	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	86,500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	64,200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	32,500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



9/2

11	TCB	21,150	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	21,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	24,150	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 27/05/2020	Kỳ trước/Last Period 26/05/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	11,800	11,850	-50
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	168,227,516,170	166,665,673,237	1,561,842,933
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,184,700,818	1,173,701,924	10,998,894
của 1 CCQ/ per Share	11,847.00	11,737.01	109.99
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,319.13	1,342.39	-23.26

Đại diện tổ chức
Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC